

Bách

帥

Cục

Tướng

將

Kỳ

Hà Nội tháng 11 năm 2013

Bách cục tượng kỳ phổ là một tác phẩm được in năm 1801 của Tam Lạc cư sĩ, thu thập các ván cờ thế giang hồ lưu truyền trong dân gian cuối thời nhà Minh, đầu thời Thanh. Toàn bộ gồm 8 quyển với 107 ván cờ thế, trong đó có một ván bị trùng (cùng hình nhưng khác tên) nên thực chất chỉ có 106 ván, phần lớn là các ván cờ hòa.

Có thể nói trong số các quyển sách cờ thế bao đời nay thì Bách cục tượng kỳ là quyển sách nổi tiếng, được lưu hành rộng rãi và được nhiều người yêu thích nhất. Tuy nhiên, cũng như các quyển sách cờ thế giang hồ khác, Bách cục cũng có khá nhiều sai lầm. Vì vậy sau này có thêm những quyển tân biên, tinh biên hay tu đính... là những sách sửa chữa lời giải cho chính xác.

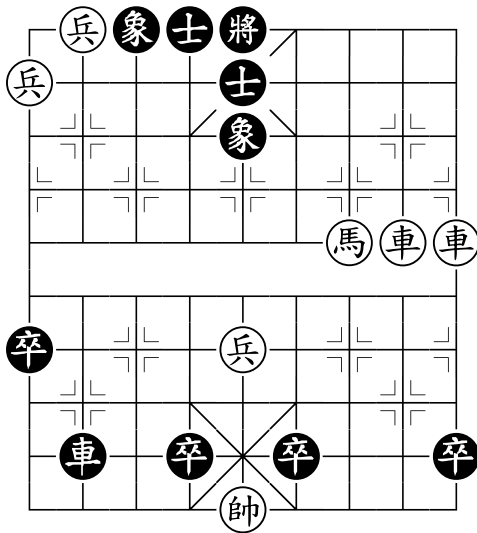
Mấy điểm cần lưu ý khi xem các ván cờ trong quyển tinh biên này:

+ Các ván cờ đều được xem xét theo luật cờ tướng Trung quốc hiện nay, so với luật Việt nam sẽ có một số khác biệt và những khác biệt này đôi khi có thể làm thay đổi cả kết quả ván cờ.

+ Lời giải chính là bài giải trong sách xưa vốn có nhiều sai lầm, những phát hiện sau này tức nước đi chính xác lại nằm trong biến. Đây là cách làm hơi lạ đối với nhiều người trong chúng ta.

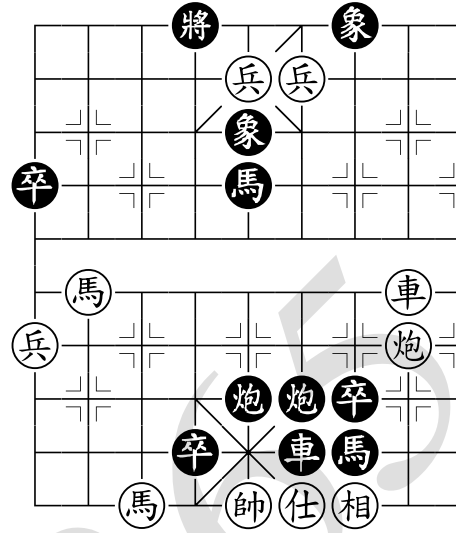
Trong quá trình biên soạn, mặc dù bản thân đã có nhiều cố gắng phục vụ tốt nhất bạn đọc song chắc chắn còn có những thiếu sót. Mình rất mong nhận được sự phản hồi, những góp ý của các bạn để chúng ta có một tài liệu hoàn chỉnh hơn.

1. Kim đầu đồng quan



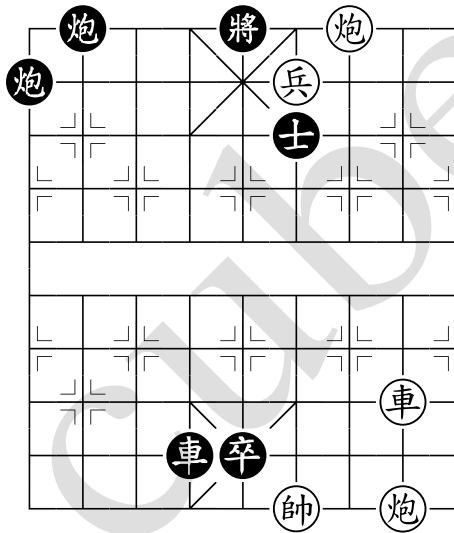
Trắng đi trước hòa

2. Bát man tiến bảo



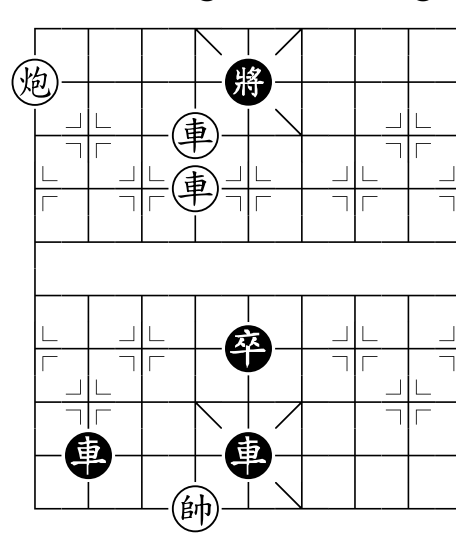
Trắng đi trước hòa

3. Đầu khu đề đình



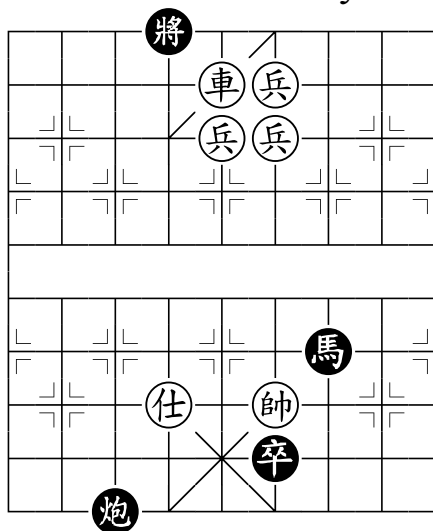
Trắng đi trước thắng

4. Viên giao cận cộng



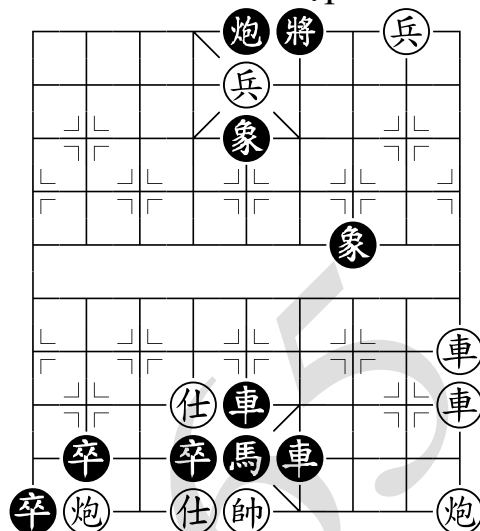
Trắng đi trước hòa

5. Kim nhân thất yển



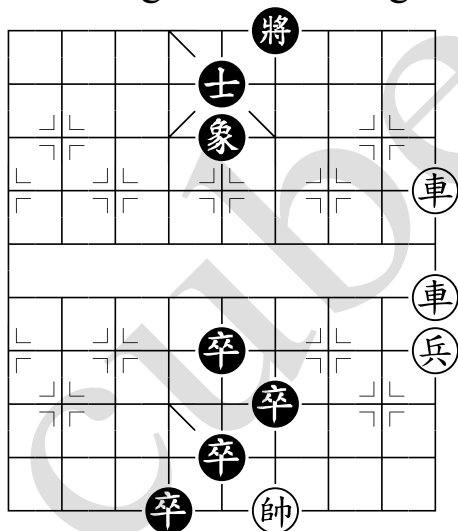
Trắng đi trước hòa

6. Xa kim nhập hải



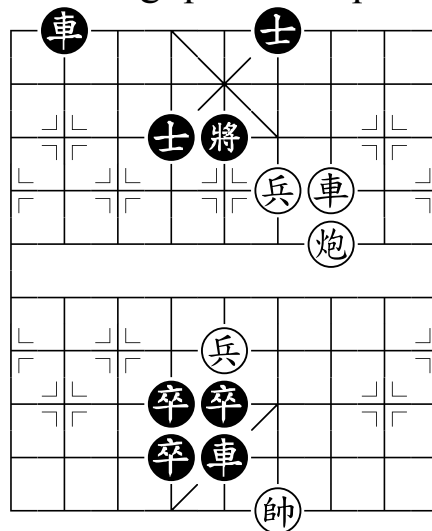
Trắng đi trước hòa

7. Song cầm tứ vương



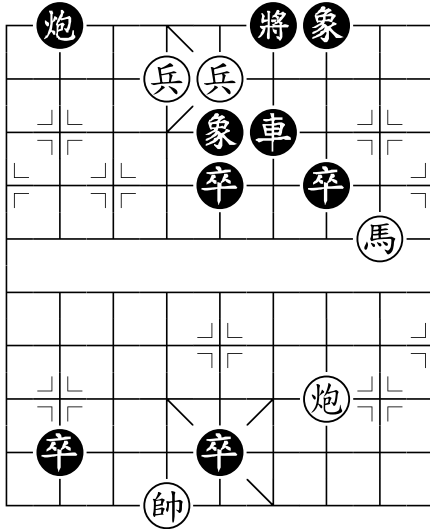
Trắng đi trước hòa

8. Dữn quân tam quân



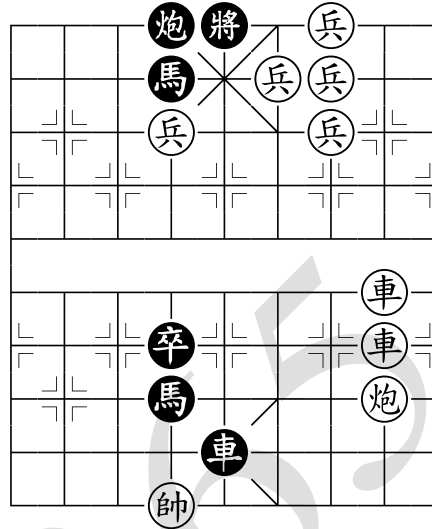
Trắng đi trước thua

9. Bá vương khước giáp



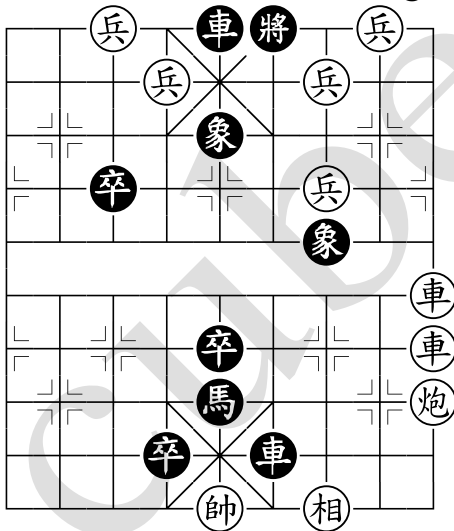
Trắng đi trước thắng

10. Ngũ binh cầm vương



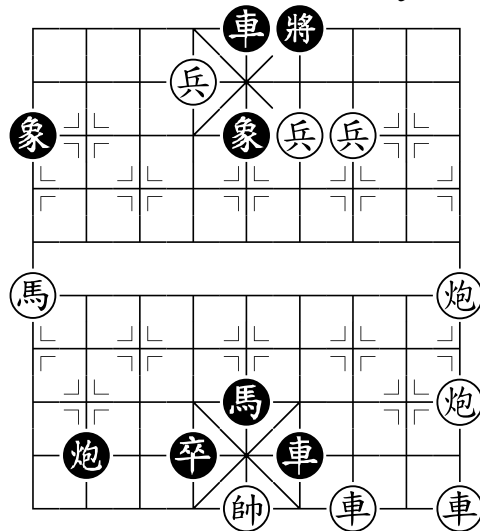
Trắng đi trước hòa

11. Tứ khẩu cầm vương



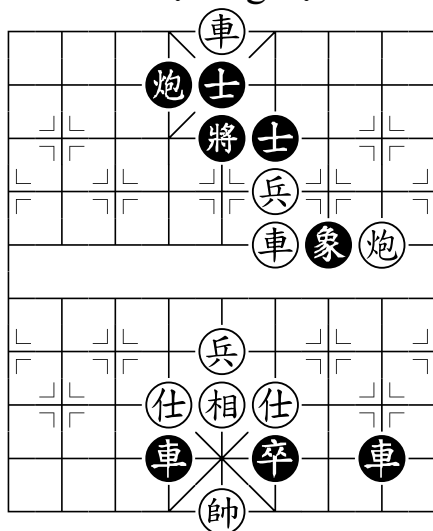
Trắng đi trước thắng

12. Bát hồ chinh tây



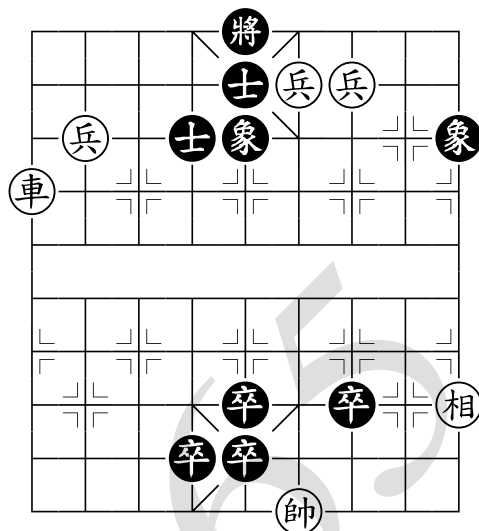
Trắng đi trước hòa

13. Nhị lang cự san



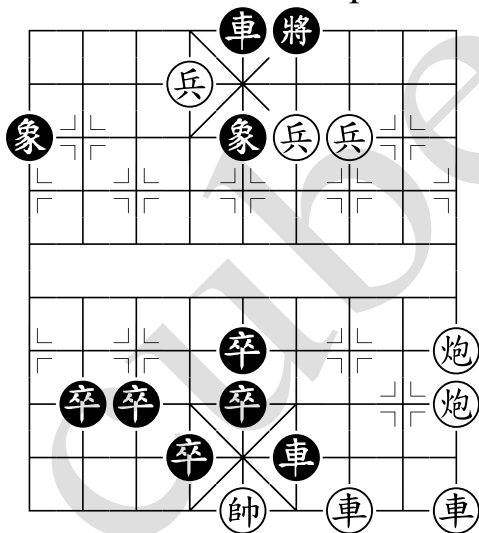
Trắng đi trước hòa

14. Tiêu tán thâm doanh



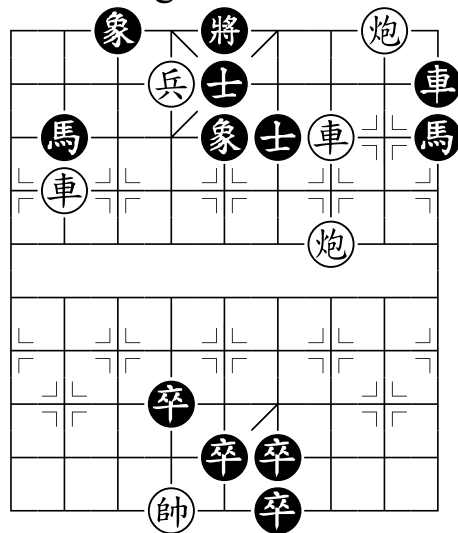
Trắng đi trước hòa

15. Trần thủ bồ quan

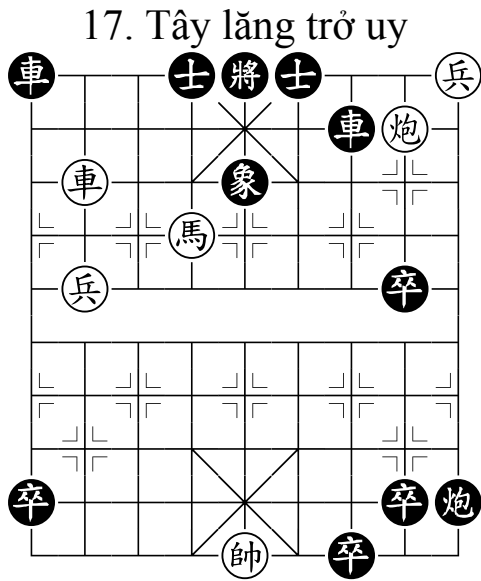


Trắng đi trước thắng

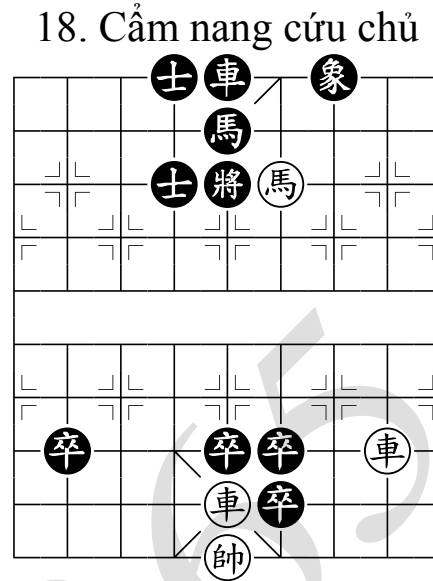
16. Ngũ đình tạc lộ



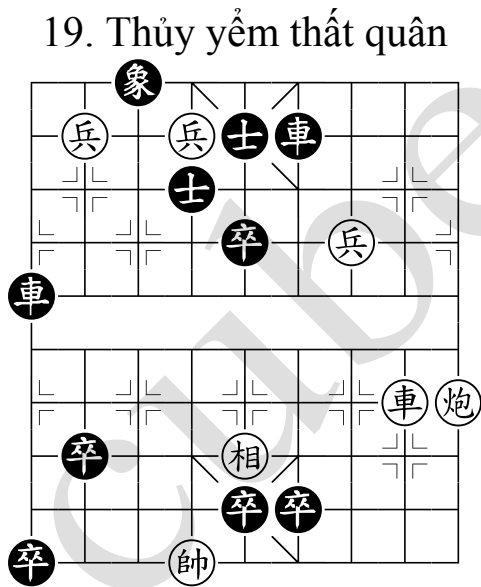
Trắng đi trước hòa



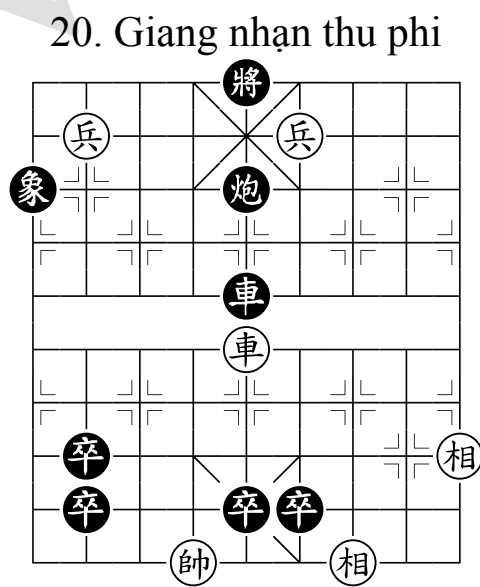
Trắng đi trước thắng



Trắng đi trước hòa

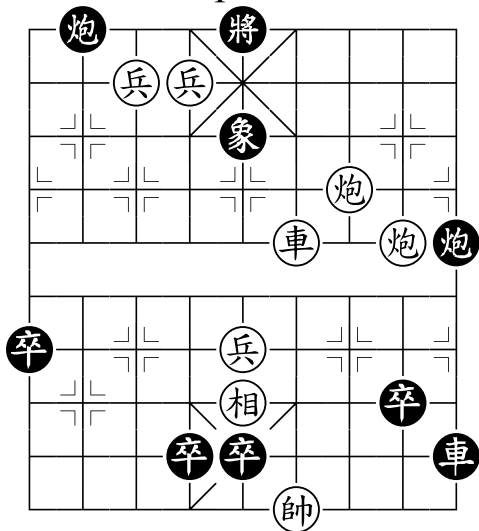


Trắng đi trước hòa



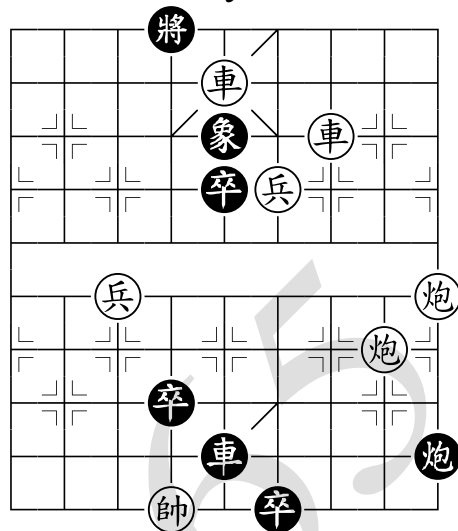
Trắng đi trước hòa

21. Bình phân thu sắc



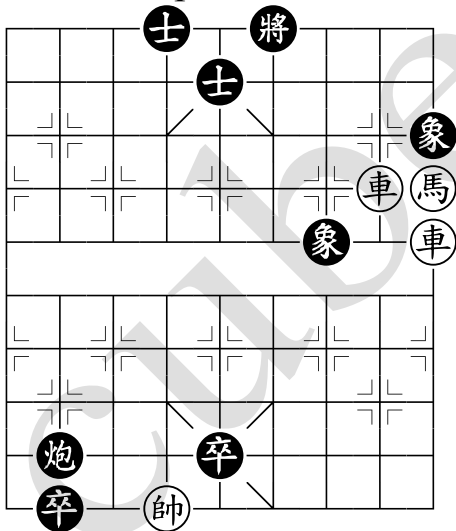
Trắng đi trước thua

22. Cách thủy chiếu châu



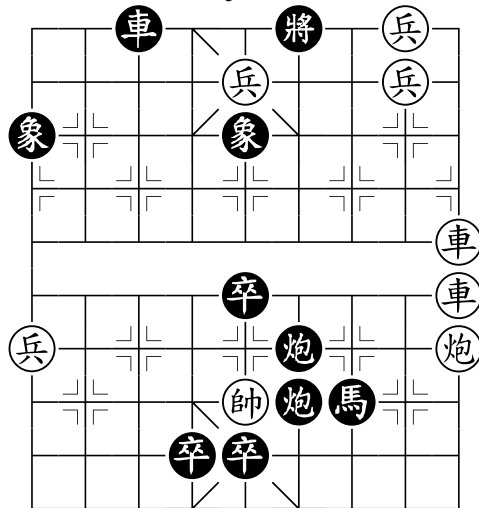
Trắng đi trước hòa

23. Thập nhị lan can



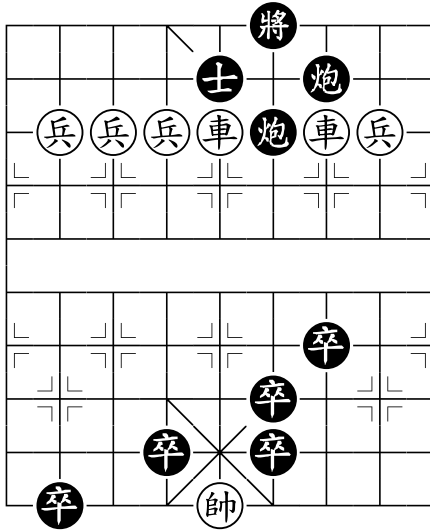
Trắng đi trước thắng

24. Sa lý đào kim



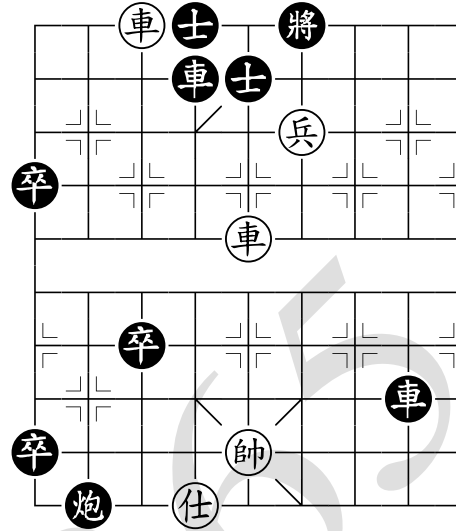
Trắng đi trước hòa

25. Thất tinh tụ hội



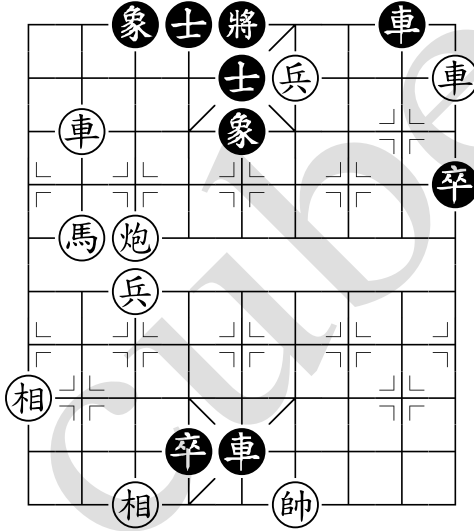
Trắng đi trước hòa

26. Tử yển xuyên lâm



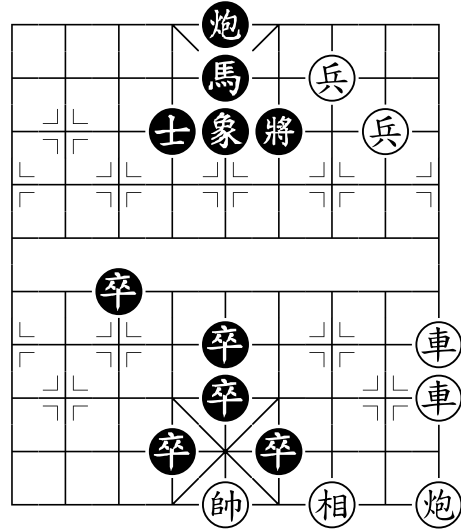
Trắng đi trước hòa

27. Lục long lệ thiên



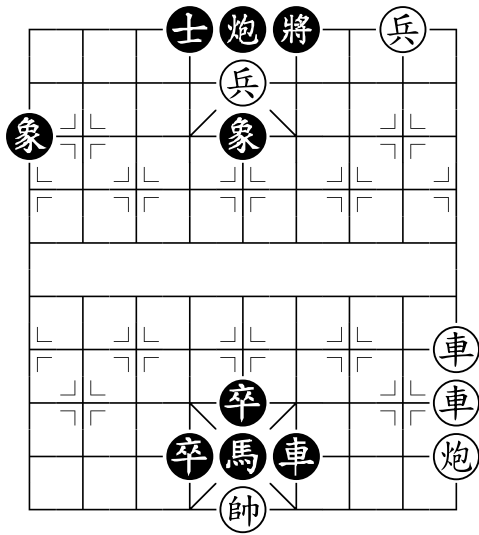
Trắng đi trước hòa

28. Hải đế lao nguyệt



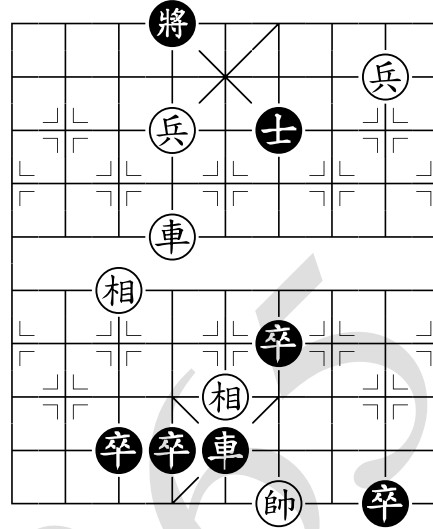
Trắng đi trước hòa

29. Viên hầu trịch đào



Trắng đi trước hòa

30. Ngọc nữ xuyên thoa



Trắng đi trước thắng

Hết quyển 1.

HƯỚNG DẪN

Thế 1

1. 車 1.4 象 5/7
 2. 車 1-3 士 5/6
 3. 馬 3.4 將 5.1
 4. 馬 4/6 將 5-4
 5. 車 2.3 士 4.5
 6. 馬 6.4 將 4.1
 7. 馬 4/5 將 4/1
 8. 馬 5.7 將 4/1
 9. 車 3-4 士 5/6
 10. 馬 7.8 車 2/7
 11. 兵 8-7 將 4-5
 12. 車 2-8 卒 6-5
 13. 帥 5-4 卒 4.1
 14. 兵 7-6 將 5-4
 15. 車 8/8 卒 9-8
 16. 車 8-6 將 4-5
 17. 車 6-5 卒 5.1
 18. 帥 4-5 卒 8-7
 19. 帥 5.1
- Hòa

Thế 2

1. 兵 5-6 將 4-5
 2. 兵 4-5 將 5-6
 3. 車 2-4 馬 5.6
 4. 炮 2-4 馬 6/8
 5. 炮 4/2 馬 8/6
 6. 馬 7.8 炮 6/1
 7. 馬 s/6 卒 7-6
 8. 馬 6.4 炮 6.2
 9. 帥 5.1 炮 5/6
 10. 兵 6-5 馬 6/5
 11. 帥 5-4 馬 7/8
 12. 馬 8/6
- Hòa

Thế 3

1. 車 2-5 將 5-4
 2. 車 5.7 將 4.1
 3. 炮 2.8 士 6/5
 4. 車 5-6 將 4/1
 5. 兵 4.1
- Thắng

Thế 4

1. 車 t.1 將 5/1
 2. 車 t.1 將 5.1
 3. 車 s.2 將 5.1
 4. 車 s-8 卒 5-4
 5. 車 6-5 將 5-6
 6. 車 8/7 車 5-2
 7. 帥 6-5 將 6/1
 8. 車 5/1 將 6/1
 9. 車 5/6 車 2-6
 10. 炮 9-2 車 6/2
 11. 車 5.7 將 6.1
 12. 炮 2.1 車 6-5
 13. 車 5/6 卒 4-5
- Hòa

Thế 5

1. 車 5.1 將 4-5
 2. 仕 6/5 炮 3-5
 3. 兵 t-5 將 5-4
 4. 兵 s-6 炮 5/8
 5. 兵 4.1 馬 7/5
 6. 帥 4/1 馬 5/6
 7. 兵 4-5 馬 6/4
- Hòa

Thế 6

1. 車 s-4 車 5-6
 2. 仕 6.5 象 5/7
 3. 兵 5.1 將 6.1
 4. 仕 5.4 車 6/1
 5. 車 1-5 卒 1-2
 6. 仕 6/5 車 6.1
 7. 炮 1-4 車 6-5
 8. 車 5/2 卒 4-5
 9. 帥 5.1
- Hòa

Thế 7

1. 車s-4 將6-5
2. 車1.3 象5/7
3. 車1-3 士5/6
4. 車4.5 將5.1
5. 車4-5 將5-4
6. 車5-6 將4-5
7. 車3-5 將5-6
8. 車6/1 將6.1
9. 車5-4 將6-5
10. 車6/8 卒s.1
11. 車6.1 卒t-4
12. 車4-5 將5-6
13. 帥4-5 將6/1
14. 車5/5 卒5.1
15. 車5/3 卒4-5
16. 帥5.1 將6/1
17. 兵1.1

Hòa

Thế 8

1. 兵4.1 將5/1
2. 兵4.1 將5/1
3. 車3-5 將5-4
4. 車5.3 將4.1
5. 炮3.4 士4/5
6. 兵4-5 將4.1
7. 車5-8 將4-5
8. 兵5-6 將5-4
9. 兵6-7 將4-5
10. 車8/2 將5/1
11. 車8/2 卒5-6
12. 車8-5 將5-6
13. 車5-4 將6-5
14. 車4/3 車5/2
15. 兵7-6 將5-4
16. 車4-6 將4-5
17. 車6/1 車5-7
18. 車6-5 將5-4
19. 車5.3 車7/5

Hòa

Cách giải mới:

14. ... 車5/1
15. 車4-5 卒s-5
16. 炮3/2 卒5-6
17. 炮3-9 將5-6
18. 炮9/5 卒4.1

Thua

Thế 9

Cách giải cũ:

1. 炮3-4 車6-8
2. 馬2/4 車8-6
3. 馬4.5 車6-8
4. 馬5/4 車8-6
5. 馬4.3 車6-7
6. 炮4-9 炮2-1
7. 炮9.6 車7/1
8. 兵5-4 車7-6
9. 馬3.5 車6-5
10. 炮9-5 卒2-3
11. 炮5/7 象7.5

Hòa

Cách giải mới:

- ...
2. 炮4-9 炮2-1
3. 炮9.6 車8/1
4. 馬2.3 車8-7
5. 兵5-4 將6-5
6. 兵6-5 Thắng

Thế 10

1. 車s-5 卒4-5
2. 兵4-5 將5.1
3. 兵6.1 將5-4
4. 車2-5 車5.1
5. 帥6.1 卒5.1
6. 兵s-4 卒5.1
7. 車5/3 車5/1
8. 帥6-5 馬4/6
9. 炮2-4 炮4-1
10. 兵s-4 炮1.1
11. 兵s-5 炮1-6
12. 兵5.1 將4.1
13. 兵5-4

Thế 11

Cách giải cũ:

1. 兵t.1 象5/7
2. 兵2-3 將6.1
3. 車t.4 將6.1
4. 車s.4 象7/9
5. 車1/1 將6/1
6. 車1.1 將6.1
7. 兵s.1 將6-5
8. 炮1.5 車6/6
9. 炮1-4 將5-4
10. 炮4.2 卒4.1
11. 帥5.1 馬5/7
12. 車1-5 車5.1
13. 兵6-5 卒5-4
14. 炮4-6 卒s-5
15. 炮6-5 馬7/6
16. 兵s-4 卒3.1
17. 相3.5 卒5-4
18. 相5/7 卒3.1
19. 相7.9 卒3.1
20. 兵4-5 馬6/5
21. 炮5/2 卒s-5
22. 炮5/2

Hòa

Cách giải mới:

- ...
12. 兵6-5 車5-3
 13. 車1-4 將4-5
 14. 炮4-5 車3-5
 15. 兵5.1

Thắng

Thế 12.

1. 炮s-4 車6/1
2. 炮1-4 馬5/6
3. 兵4.1 將6.1
4. 兵3.1 將6/1
5. 兵3-4 將6.1
6. 兵6-5 車5.1
7. 車3.8 將6/1
8. 車1.9 象5/7
9. 車3-5 車6-5
10. 車5/6 馬6.5
11. 車1-3 將6.1
12. 馬9/7 馬5.7
13. 車3/8 炮2-7
14. 馬7/6

Hòa

Thế 13

1. 兵4-5 將5-4
 2. 車4.2 士5.6
 3. 車5/2 象7/5
 4. 兵t-6 炮4.2
 5. 炮2-6 炮4-5
 6. 炮6/4 炮5-4
 7. 炮6-2
- Hòa

Thế 14

1. 車9-2 卒t-6
 2. 帥4.1 卒7-6
 3. 帥4/1 士5/6
 4. 車2.3 士4/5
 5. 兵4.1 將5-4
 6. 兵3-4 卒5.1
 7. 兵t-5 將4.1
 8. 車2/8 象5.7
 9. 兵8-7 卒5-6
 10. 車2-4 卒6.1
 11. 帥4.1 士5.6
 12. 帥4.1
- Hòa

Thế 15

Cách giải cũ:

1. 炮s-4 卒t-6
 2. 炮1-4 卒5-6
 3. 兵4.1 將6.1
 4. 兵3-4 將6/1
 5. 兵4.1 將6.1
 6. 兵6-5 車5.1
 7. 車3.8 將6/1
 8. 車1.9 象5/7
 9. 車3-5 車6-5
 10. 車5/7 卒4-5
 11. 帥5.1 卒s-5
 12. 車1-3 將6.1
 13. 帥5/1 卒5.1
 14. 車3/1 將6/1
 15. 車3/4 卒3-4
 16. 車3/3
- Hòa

Cách giải mới:

1. 炮t-4 卒s-6
 2. 兵4.1 將6.1
 3. 兵3.1 將6/1
 4. 兵3.1 象5/7
 5. 車3.9 將6.1
 6. 炮1-4 卒5-6
 7. 車3-5 車6-5
 8. 車5/8 卒4-5
 9. 帥5.1 卒s-5
 10. 車1.8 將6.1
 11. 車1/1 將6/1
 12. 車1-5
- Thắng

Thế 16

1. 車3.2 士5/6
2. 炮3-5 車9-5
3. 車3/7 馬9/8
4. 兵6.1 將5-4
5. 車3-6 車5-4
6. 車6.6 馬2/4
7. 車8.3 卒t-5
8. 炮5/5 卒5.1
9. 帥6.1 將4-5
10. 車8-7 將5.1
11. 車7/1 將5/1
12. 車7-6 士6/5
13. 車6-8 馬8.6
14. 車8/1 象5/3
15. 車8.2 士5/4
16. 車8-7 馬6.4
17. 車7/5

Hòa

Thế 17

Cách giải cũ:

1. 馬6.7 車7-3
2. 車8-5 士6.5
3. 炮2-7 卒1-2
4. 車5-9 車1-3
5. 車9-2 卒7-6
6. 帥5-4 車3.1
7. 車2.2 士5/6
8. 車2-4 將5.1
9. 車4/1 將5/1
10. 車4-7 卒2-3
11. 車7/5 卒3-4
12. 車7-5 士4.5
13. 帥4-5 卒8.1
14. 帥5-4 卒4-5
15. 車5/2 卒8-7
16. 帥4.1 炮9-5
17. 帥4-5 卒9.1

Hòa

Cách giải mới:

11. 兵1-2 卒3-4
12. 兵2-3 士4.5
13. 車7.1 士5/4
14. 車7/5 士4.5
15. 車7-5 將5-4
16. 車5.4

Thắng

Thế 18

1. 車5.1 卒s-5
2. 馬4/5 卒5.1
3. 帥5-6 卒5.1
4. 帥6.1 卒6-5
5. 帥6-5 車5-6
6. 車2-8 車6.4
7. 車8-5 卒5-4
8. 馬5.6 將5-6
9. 車5-2 馬5.6
10. 馬6/4 車6/1
11. 車2.5 將6/1
12. 車2-5

Hòa

Thế 19

1. 車2-4 士5.6
2. 車4.4 將6.1
3. 兵3-4 將6-5
4. 炮1-5 車1-5
5. 兵4-5 將5-6
6. 兵5-4 將6/1
7. 炮5-4 車5-6
8. 兵4.1 將6/1
9. 兵4.1 將6-5
10. 兵4.1 車6/4
11. 炮4-9 士4/5
12. 炮9.5 卒5.1
13. 帥6.1 卒6-5
14. 帥6-5 士5/4
15. 兵6.1 將5-4
16. 炮9.1 將4.1
17. 炮9-4 卒5-6
18. 炮4/7 卒2.1
19. 炮4/1 卒2.1
20. 相5.7 將4.1

Hòa

Thế 20

1. 車5.1 卒5.1
2. 車5/5 炮5.6
3. 相1.3 卒s-3
4. 相3.1 卒3-4
5. 車5-2 將5-4
6. 車2.9 炮5/8
7. 帥6-5 卒4-5
8. 車2-5 將4-5
9. 相3/5 卒2-3
10. 兵8-7 卒3-4
11. 兵7-6 象1.3
12. 相1.3

Thế 21

1. 炮3-5 象5.7
2. 相5/3 車9-6
3. 車4/4 炮9.5
4. 相3.1 卒5-6
5. 帥4.1 炮2.8
6. 帥4.1 卒8-7
7. 帥4-5 炮9-8
8. 炮2/3 卒7-8
9. 帥5-6 卒4-3
10. 炮5-9 卒8-7
11. 相1.3 炮8/2
12. 相3/5 炮8/7
13. 炮9.2 炮2/7
14. 兵7-8 卒1-2
15. 兵8.1 炮8-2
16. 炮9-7 炮2-3
17. 相5.7 炮3.5
18. 炮7/7 炮3-8
19. 炮7-1 卒2-3

Thua

Thế 22

1. 車5.1 將4-5
2. 車3-5 將5-4
3. 車5-6 將4-5
4. 炮1-5 車5/3
5. 車6/5 車5.3
6. 炮2-5 車5/2
7. 車6.7 將5.1
8. 帥6.1 車5-6
9. 兵4-3 卒5.1
10. 車6/3 車6.2
11. 帥6.1 車6-5
12. 兵3.1 卒5.1
13. 車6-5 將5-6
14. 兵3.1 將6.1
15. 車5-1 將6-5
16. 兵3-4 將5-6
17. 兵4-5 將6-5
18. 兵5-6 將5-6
19. 車1.1 將6/1
20. 車1/5 車5-6
21. 車1.6 將6.1
22. 車1/1 將6/1
23. 車1-5 炮9/7
24. 車5/3 炮9-4
25. 兵7.1 車6/4
26. 兵7.1 車6/1
27. 兵7.1 車6/1
28. 兵7.1 炮4.1
29. 兵7-6 炮4-5
30. 車5-2 炮5.7
31. 車2.4 將6/1

Hòa

Thế 23

Cách giải cũ:

1. 車2.3 象9/7
2. 馬1.3 將6.1
3. 馬3/5 象7/5
4. 車1-4 士5.6
5. 車2/1 將6/1
6. 車4.2 將6-5
7. 車4-5 象7.5
8. 車2.1 象5/7
9. 車2-3 將5.1
10. 馬5.3 將5.1
11. 車3-5 將5-6
12. 車5/8 卒2-3
13. 帥6.1 炮2-5
14. 帥6-5 將6/1

Hòa

Cách giải mới:

- ...
2. 馬1.2 將6-5
 3. 車2-3 士5/6
 4. 馬2/4 將5.1
 5. 車1.3 將5.1
 6. 車1-7

Thắng

Thế 24

1. 車t-7 馬7.6
2. 帥5-4 炮6/3
3. 車7.4 象1/3
4. 車1-5 馬6/8
5. 帥4-5 馬8/7
6. 帥5-4 馬7/5
7. 炮1-5 馬5/4
8. 兵s-3 馬4/5
9. 炮5.5 將6-5
10. 兵3-4 炮6.2
11. 炮5-8 象5.7
12. 炮8.1 象3.5
13. 兵2-3 將5-4
14. 兵4-5 象5/7
15. 炮8-3 炮6-2
16. 炮3-5 炮2.4
17. 兵9.1 炮2-5
18. 炮5/8 卒4-5

Hòa

Thế 25

1. 車3-4 士5.6
 2. 車5.2 將6.1
 3. 兵2-3 卒t.1
 4. 帥5-4 士6/5
 5. 兵3.1 將6.1
 6. 兵6-5 將6-5
 7. 車5-1 卒4-5
 8. 車1/2 士5.6
 9. 兵7-6 將5/1
 10. 兵3-4 將5-6
 11. 車1/6 卒6.1
 12. 車1-4 卒5-6
 13. 帥4.1 卒7-6
 14. 兵6-5 士6/5
- Hòa

Thế 26

1. 車5-3 車8.1
 2. 帥5.1 車8/8
 3. 車3.3 炮2/8
 4. 兵4.1 將6-5
 5. 車7/6 卒t-2
 6. 車7-3 車8.7
 7. 車s/1 車8-7
 8. 車3/6 車4.6
 9. 帥5-6 炮2-6
- Hòa

Thế 27

1. 炮7-2 車5/5
 2. 馬8.7 士5.4
 3. 車8/6 卒4-5
 4. 車8-5 車5.5
 5. 車1/2 車5/4
 6. 車1-4 士4.5
 7. 炮2.1 車5-8
 8. 兵4-5 士4/5
 9. 車4.2 車s-6
 10. 車4.1 士5/6
 11. 炮2-5 象5/7
 12. 炮5/4
- Hòa

Thế 28

1. 車s-5 象5.7
 2. 車1-5 卒6-5
 3. 車s/1 卒4-5
 4. 車5/2 炮5.8
 5. 帥5.1 卒3-4
 6. 炮1.8 卒4-5
 7. 炮1-5 士4/5
- Hòa

Thế 29

1. 兵5.1 將6-5
 2. 兵2-3 象5/7
 3. 車t-3 卒4.1
 4. 帥5-6 馬5/3
 5. 帥6-5 卒5.1
 6. 炮1-5 車6-5
 7. 帥5-4 車5.1
 8. 帥4.1 馬3/5
 9. 車3-5 車5/3
 10. 車1-4
- Hòa

Thế 30

Cách giải cũ:

1. 兵6.1 將4-5
 2. 車6-5 將5-6
 3. 車5-1 車5-7
 4. 車1.4 將6.1
 5. 車1/1 卒4-5
 6. 兵2-3 車7/7
 7. 車1-3 將6/1
 8. 兵6-5 士6/5
 9. 車3.1 將6.1
 10. 車3/6 卒6.1
 11. 車3-4 士5.6
 12. 車4/1 卒3-4
 13. 車4.5 將6-5
 14. 車4-6 將5/1
 15. 車6/6 卒5-4
 16. 帥4.1
- Hòa

Cách giải mới:

1. 車6-3 將4-5
2. 車3.4 將5.1
3. 車3/1 將5/1
4. 兵6.1 卒8-7
5. 車3/8 士6/5
6. 車3.9 士5/6
7. 車3/3 士6.5
8. 車3-5 將5-6
9. 車5-4 將6-5
10. 車4.2 士5/6
11. 車4/5 士6.5
12. 車6.5

Thắng